

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 242/2024/DS-ST
Ngày 19-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
- Ông Trần Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 614/2024/TLST-DS ngày 25/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2024/QĐXXST-DS ngày 26/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 88/1 Phạm Văn Đ, ấp 1, xã Hòa P, huyện Châu T, tỉnh A. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Thành L, sinh năm:1990; Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu dân cư Hiệp T 1, khu phố 5, phường H, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Hc trình bày:

Ông Mai Thành L là phó giám đốc Ngân hàng Quân đội (MB) chi nhánh g A, ông Nguyễn Ngọc H quen biết với ông Mai Thành L do vài lần ông L hỗ trợ ông H làm hồ sơ vay tiền. Do đó, khi ông L cần tiền để giải quyết việc gia đình thì ông H cho ông L vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng ông L nói miệng với ông H sẽ trả cho cho ông H lãi suất 10%/tháng, việc vay tiền thể hiện tại giấy

mượn tiền đề ngày 03/12/2020. Ông L đã trả tiền lãi cho ông H 50.000.000 đồng (tương đương 10%/tháng).

Đến thời hạn trả tiền nhưng ông L không trả, ông H đã nhiều lần liên hệ với ông L yêu cầu trả tiền nhưng không liên lạc được. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông L phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và yêu cầu ông L phải trả tiền lãi cho ông H tính trên số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 03/01/2021 đến ngày 17/10/2024 là 135.000.000 đồng. Tổng cộng: 635.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc 458.350.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/12/2024) do nguyên đơn đã nhận tiền lãi vượt quá quy định và đồng ý khấu trừ tiền lãi vượt quá vào tiền nợ gốc.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy mượn tiền ngày 03/12/2020 có chữ ký của ông L.

Bị đơn ông Mai Thành L đã được Tòa án tổng đạt và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/11/2024 và tham gia phiên tòa vào các ngày 09/12/2024 và ngày 19/12/2024 nhưng ông L không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu M: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn ông Mai Thành L vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Mai Thành L là đúng quy định. Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Mai Thành L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Mai Thành L

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông H xác định đã cho ông L vay số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại giấy mượn tiền ngày 03/12/2020, có chữ ký của ông L, thời hạn vay 01 tháng, không thoả thuận lãi suất nhưng thoả thuận miệng lãi suất là 10%/tháng,

ông H xác định đã nhận tiền lãi của ông L số tiền 50.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất 10%/tháng, sự thừa nhận của nguyên đơn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc 458.350.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/12/2024) do nguyên đơn đã nhận tiền lãi vượt quá quy định và đồng ý khấu trừ tiền lãi vượt quá vào tiền nợ gốc. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ chứng minh bị đơn không vay tiền hoặc đã thanh toán, xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc khi đến hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc 458.350.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 03/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, xét thấy: Tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này”. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả với mức 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) là có cơ sở. Cụ thể: $458.350.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 47 \text{ tháng} = 180.816.800 \text{ đồng}$ là có căn cứ. Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 639.166.800 đồng, trong đó nợ gốc 458.350.000 đồng và 180.816.800 đồng tiền lãi.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu M.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Học đối với bị đơn ông Mai Thành L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Mai Thành L phải trả cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền 639.166.800 đồng (sáu trăm ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm đồng), trong đó nợ gốc là 458.350.000 đồng (bốn trăm năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền lãi 180.816.800 đồng (một trăm tám mươi triệu tám trăm mười sáu ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 3.061.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi một ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Thành L phải nộp 29.566.672 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

- Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002139 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu M, tỉnh B.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh B ;
- VKSND thành phố Thủ Dầu M;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.

2.

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự thụ lý số 232/2022/TLST-DS ngày 16/6/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Kim Nguyệt, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 53/8, khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn*:

- Ông Nguyễn Trùng Dương, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số 274/2, tổ 21, khu 2, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Bà Hồ Thị Thu Hồng, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 274/2, tổ 21, khu 2, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim Nguyệt đối với bị đơn ông Nguyễn Trùng Dương và bà Hồ Thị Thu Hồng về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Trùng Dương và bà Hồ Thị Thu Hồng phải trả cho bà Trần Kim Nguyệt số tiền 480.000.000 đồng.

Buộc bà Hồ Thị Thu Hồng phải trả cho bà Trần Kim Nguyệt số tiền 1.620.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Trần Kim Nguyệt phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07437 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/8/2016 cho ông Nguyễn Trùng Dương, diện tích 33,7m² thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 60 tọa lạc phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho ông Nguyễn Trùng Dương và bà Hồ Thị Thu Hồng.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trùng Dương và bà Hồ Thị Thu Hồng phải nộp 23.200.000 đồng đối với số tiền 480.000.000 đồng.

- Bà Hồ Thị Thu Hồng phải nộp ...60.600.000 đồng đối với số tiền 1.620.000.000 đồng.

Kết quả biểu quyết 3/3

3. Dương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút cùng ngày.

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán–chủ tọa phiên tòa

